TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/HSST
Ngày 26-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng Mí Phìn;

Bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Quỳnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Xuân Liền - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2021, tại Phòng xử án hình sự, Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/TLST-HS ngày 03/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số14/2021/QĐXXST-HS ngày18/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Phùng Văn T, sinh ngày 15/7/1989 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn N, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/02/2018, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 00054-XPHC, mức xử phạt là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng).*

Bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Văn T, sinh ngày 28/11/1991 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 23/2010/HSST ngày 14/9/2010 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang, xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

Bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/12/1971 tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Lộc Thị S (đã chết); có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 và 02 con sinh đôi sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 13/10/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Văn M, sinh ngày 07/10/1990 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1969; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn Đ, sinh ngày 05/01/1984 tại xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị I, sinh năm 1978 và 01 con, sinh năm 2009; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội Đánh bạc; tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 27/2015/HSST ngày 04/8/2015 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội "Đánh bạc".

Bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 27/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Vi Đức D, sinh ngày 19/7/1979 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Đức P (đã chết) và bà Mạc Thị M (đã chết); vợ Lý Thị T, sinh năm 1981 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 31/2008/HSST ngày 27/5/2008 của TAND tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bản án số 18/2014/HSST ngày 03/6/2014 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt bị cáo 07 tháng tù; phạt tiền 1.500.000 đồng sung quỹ

Nhà nước về tội Đánh bạc. Bị cáo có kháng cáo, tại Bản án số 41/2014/HSPT ngày 13/8/2014 của TAND tỉnh Tuyên Quang, chấp nhận kháng cáo xử phạt bị cáo 05 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

7. Dương Thị T, sinh ngày 14/3/1983 tại huyện C, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn N, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình B (đã chết) và bà Trần Thị V, sinh năm 1947 (đã chết đầu năm 2021); có chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (đã ly hôn) con: Có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/02/2008, có hành vi "Đánh bạc" bị Công an, huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính.

Bản án số 09/2009/HSST ngày 26/5/2009 của TAND huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Dương Thị T 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Tại Bản án số 13/2009/HSPT ngày 14/8/2009 của TAND tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Dương Thị T 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng và phạt Bổ sung 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Ngày 02/01/2021, bị cáo có hành vi "Đánh bạc" bị Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/CSHS ngày 04/01/2021 và Quyết định khởi tố bị can số 15/CSHS ngày 11/01/2021, ra Lệnh tạm giam số 04/CSHS ngày 11/01/2021. Hiện bị cáo đang tạm giam theo Quyết định tạm giam số 68/2021/HSST-QĐTG ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; có mặt tại phiên tòa.

8. Phùng Mùi K, sinh ngày 22/10/1994 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTHU ngày 11/8/2020; con ông Phùng Sùn P, sinh năm 1979 và bà Triệu Mùi L, sinh năm 1973; chồng Phượng Chòi K, sinh năm 1994 và 01 con, sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 03/QĐ-XPHC ngày 02/3/2020, bị cáo đã nộp vào ngày 03/3/2020; bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh;

Nhân thân: Ngày 10/7/2020, bị Công an, huyện B, tỉnh Hà Giang, khởi tố vụ án số 42 và khởi tố bị can số 76 về hành vi đánh bạc, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 42 (hiện đang điều tra); có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Thị H, sinh ngày 25/10/1966 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ văn hóa: 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H, sinh năm 1938 và bà Lý Thị M, sinh năm 1947 (đã chết); có chồng Lê Văn Q, sinh năm 1960 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị Công an, huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" với mức phạt tiền 200.000đ theo Quyết định số 09 ngày 14/12/2005.

Bị bắt tạm giam ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

10. Phùng Đức C, sinh ngày 01/8/1976 tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đức M, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947; vợ Hoàng Thị V, sinh năm 1976 và 01 con, sinh năm 2005; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 21/2018/HSST ngày 14/6/2018 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Phùng Đức C 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 05 ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo = 15 ngày), còn phải chấp hành là 01 năm 05 tháng 15 ngày và phải chịu 200.000đ, bị cáo đã chấp hành xong án cải tạo không giam giữ ngày 22/01/2020, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

11. Lục Xuân T, sinh ngày 01/4/1983 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Thìn P và bà Hoàng Thị P; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

12. La Xuân T, sinh ngày 20/4/1987 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn T, sinh năm 1952 và bà Lý Thị P, sinh năm 1953; vợ Hoàng Thị H, sinh năm 1992 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

13. Hà Văn H, sinh ngày 12/02/1988 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T, sinh năm 1953 và bà Phùng Thị M, sinh năm 1953; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

14. Phùng Văn L, sinh ngày 23/6/1984 tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T, sinh năm 1956 và bà Bùi Kim T, sinh năm 1957; vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

15. Phùng Văn P, sinh ngày 11/02/1980 tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quang Đ, sinh năm 1944 và bà Triệu Thị L, sinh năm 1947; có vợ là Phùng Thị C, sinh năm 1980 và 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

16. Dương Thị P, sinh ngày 15/01/1976 tại huyện C, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình B (đã chết) và bà Trần Thị V, sinh năm 1947 (đã chết đầu năm 2021); có chồng Lê Quang T, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 19/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 30.000.000 đồng, ngày 04/3/2020 bị cáo đã nộp đủ; tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

17. Dương Thị P1, sinh ngày 14/11/1973 tại huyện C, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình B (đã chết) và bà Trần Thị V, sinh năm 1947 (đã chết đầu năm 2021); có chồng Dương Văn U, sinh năm 1976 và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 28/2007/HSST ngày 23/5/2007 của TAND tỉnh Hà Giang xử phạt Dương Thị P 02 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 03 năm và phải chịu 50.000 đồng án phí HSST về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép". Năm 2009 bị TAND huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Dương Thị P 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép" theo Bản án số 28/2007/HSST ngày 23/5/2007 của TAND tỉnh Hà Giang, phải chấp hành chung là 02 năm 06 tháng tù.

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Nhân thân: Bị cáo bị khởi tố theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 42 ngày 10/7/2020 và khởi tố bị can số 142/CSHS ngày 18/12/2020 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 19/CSHS ngày 18/12/2020, thời hạn tạm giam là 02 tháng của Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (hiện đang điều tra); có mặt tại phiên tòa.

18. Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/4/1974 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Số 2, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1942; chồng Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 14/2015/HSST ngày 19/6/2015 của TAND tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, phạt bổ sung 3.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí HSST; Bản án số 126/2015/HSST ngày 28/12/2015 của TAND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 11 tháng tù (Đã được xóa án).

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

19. Lê Thị Huyền T, sinh ngày 21/10/1990 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; HKĐKTT: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1967; chồng Nguyễn Danh D, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

20. La Thị T, sinh ngày 15/4/1963 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn C, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C sinh năm 1935 (đã chết); có chồng Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1982 và nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Phùng Thị S; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đặng Thị G; vắng mặt.

3. Bế Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2020, Phùng Văn T và Triệu Văn T trú cùng thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang đã đi theo các đối tượng đánh bạc và xin làm hồ lỳ "*tức giam tiền, chia tiền cho những người đến đánh bạc, để hưởng lợi tiền công*". Đến đầu tháng 8 năm 2020, thấy các đối tượng không tìm được địa điểm đánh bạc, nên Phùng Văn T, Triệu Văn T có nói chuyện là đi tìm địa điểm cho các đối tượng đến đánh bạc, để thu tiền phế mỗi người từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, tiền làm hồ lỳ và khi kết thúc canh bạc người nào thắng bạc thì xin thêm tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Sau khi nói chuyện với nhau, thì đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 02/8/2020, Phùng Văn T đến nhà trọ của Dương Thị P, sinh năm 1973, tạm trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, thấy có khoảng 7-8 người đến đó "*ý định tìm chỗ đánh bạc*". Lúc này Phùng Văn T chủ động điện thoại cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, trú cùng thôn hỏi thuê nhà và nói rõ là "*để đánh bạc*", thấy vậy H đồng ý, xong Phùng Văn T nói cho mọi người biết *"ai đánh bạc thì sang nhà anh Nguyễn Văn H..."*, rồi Phùng Văn T điện thoại thông báo cho Triệu Văn T biết đã thuê được nhà của Nguyễn Văn H để đánh bạc. Triệu Văn T chủ động mang theo một tấm thảm bằng vải đến nhà Hưng, sau đó dùng dao chẻ 01 thanh đóm và đốt dây cao su hơ đen một mặt, rồi cắt thanh đóm được 04 quân vị hình vuông (*kích thước khoảng 1cm x 1cm*).

Được khoảng 30 phút sau, thì Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Trần Thị H, Phùng Mùi K, Dương Thị T, Phùng Đức C, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, La Thị T, Lê Thị Huyền T, Lục Xuân T, Phùng Văn T lần lượt đến nhà Nguyễn Văn H và khoảng 15 giờ 30 phút, thì cùng nhau đánh bạc, sát phạt lẫn nhau "*bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền*" tại gian bếp. Bắt đầu vào đánh bạc, thì Triệu Văn T thu tiền phế của mỗi người từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, được tổng số tiền là 800.000 đồng và đưa cho Phùng Văn T cầm để trả tiền thuê nhà cho Nguyễn Văn H. Khi đánh bạc Phùng Đức C là người xóc cái, quy định bên tay phải người xóc cái là chẵn, bên tay trái là lẻ "*khi mở bát ra có 2 quân đen và 2 quân trắng là chẵn; nếu có 3 quân trắng 1 quân đen hoặc 3 quân đen 1 quân trắng là lẻ*"; Hoàng Văn M là người trả tiền thắng thua (*cân tiền đánh* bạc) tức đánh bạc với tất cả mọi người cụ thể: Khi các con bạc đặt tiền vào bên chẵn hoặc lẻ, khi mở bát M thu tiền bên thua trả cho bên thắng, nếu thừa ra thì Hoàng Văn M hưởng *(Minh thắng bạc)*, nếu thiếu thì Hoàng Văn M phải bỏ thêm tiền vào để trả cho người thắng *(M thua bạc)*; Lục Xuân T là người làm bảng vị bằng hình thức đặt các quân tú lơ khơ 2 và 3, 4 màu đỏ và quân 3, 4 màu đen và quy định như sau: Quân bài 2 tương ứng là chẵn *(2 đen, 2 trắng, tỉ lệ cá cược 1x1,5 lần)*; quân bài 3 đỏ tương ứng 3 quân vị màu trắng, 1 quân vị màu đen; quân bài 3 đen tương ứng 03 quân vị đen, 1 quân vị trắng có tỉ lệ cá cược 1x3 lần; quân bài 4 đỏ, quân 4 đen tương ứng 4 quân vị màu trắng và 4 quân vị màu đen, tỉ lệ cá cược 1x10 lần. Triệu Văn T và Phùng Văn T là người làm hồ lỳ với vai trò thu tiền của người thua trả cho người thắng; nếu số tiền đặt bên cửa thua nhiều hơn bên cửa thắng thì đưa phần thừa cho M và ngược lại nếu tiền đặt bên cửa thắng nhiều hơn bên cửa thua thì lấy tiền của M trả cho bên thắng; mỗi

ván đánh bạc người xóc cái cầm bát đĩa lên xóc, khi xóc xong thì người chơi bạc đặt tiền vào các bên, các ô tùy ý, khi mở bát ra quân vị trên đĩa tương ứng với các bên, các ô thì người làm hồ lỳ thu tiền của người thua và tính toán *(bù và trừ)* trả tiền cho người thắng bạc với tỷ lệ theo quy định, sau đó lại tiếp tục chơi ván tiếp theo lặp đi lặp lại nhiều lần.

Đến 17 giờ 15 phút, ngày 02/8/2020 khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Hà Giang phát hiện và phối hợp với các lực lượng bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật vụ án, thu giữ tại chiếu bạc là ***12.473.000 đồng***; thu giữ trên người các con bạc là ***35.343.000 đồng*** gồm (*Triệu Văn T là 2.000.000đ; Nguyễn Văn H là 12.473.000đ; Hoàng Văn M là 10.820.000đ; Hoàng Văn Đ là 60.000đ; Vi Đức D là 45.000đ; Dương Thị T là 1.000.000đ; Lục Xuân T là 2.900.000đ; Phùng Văn L là 22.000đ; Dương Thị P1 là 30.000đ; Phùng Đức C là 3.500.000đ; Hà Văn H là 118.000đ; Phùng Văn P là 125.000đ và La Thị T là 2.250.000đ*)**,** khám xét khẩn cấp thu giữ tại két sắt của Nguyễn Văn H là ***173.100.000đ,*** tổng cộng = ***220.916.000đ tiền VNĐ***, cùng toàn bộ các công cụ dùng để đánh bạc: 60 quân bài tú lơ khơ; 01 bát sứ màu trắng, trong lòng bát có mực màu xanh, ngoài có dán 02 miếng cao Salonpas; 01 đĩa sứ không có hoa văn; 03 mảnh que đóm bằng tre; 01 tờ giấy hình chữ nhật trên hai mặt có ghi số và chữ; 04 trang giấy học sinh dòng kẻ có ghi số và chữ; 02 tờ lịch cả hai mặt có ghi số và chữ; 01quyển vở nhãn hiệu campus mang tên Nguyễn Thị Khánh D trong đó có 02 tờ có ghi chữ và số, mặt bìa sau của vở có ghi số và chữ; 01 chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu trắng, có kích thước 1,8 x 4m; 01 tấm thảm, một mặt màu vàng, một mặt có hoa văn kẻ sọc được làm bằng vải và 03 chiếc điện thoại và một số Giấy tờ khác.

Tại kết quả giám định số 256,392/KL ngày 10/8/2020 và ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Tổng số 51 tờ tiền Việt Nam, trị giá **12.473.000 đồng** thu giữ tại chiếu bạc và 77 tờ tiền Việt Nam, trị giá **14.120.000 đồng** thu giữ trên người của những người đánh bạc (*M-Đ-D-T-L-P1-H và P*) gửi giám định là tiền thật.

Cáo trạng số 06/CT -VKS. 02, ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo:

1. Phùng Văn T và Triệu Văn T về tội: Tổ chức đánh bạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

2. Nguyễn Văn H về tội: Gá bạc, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

3. Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Dương Thị T, Phùng Mùi K, Trần Thị H, Phùng Đức C, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, Lục Xuân T La Thị T, Lê Thị Huyền T về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H, khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2020, Phùng Văn T và Triệu Văn T ngồi uống nước với nhau, Triệu Văn T có nói tìm chỗ cho mọi người đánh bạc, đến

ngày 02/8/2020, Phùng Văn T đã trực tiếp thỏa thuận với H qua điện thoại cho thuê nhà để đánh bạc và trả cho H số tiền là 500.000 đồng, H đã đồng ý; mục đích Phùng Văn T thuê nhà là để cho mọi người đến đánh bạc và cùng Triệu Văn T thu tiền phế, tiền hồ được bao nhiêu sẽ trả tiền thuê nhà, số tiền còn lại Phùng Văn T và Triệu Văn T chia nhau; Triệu Văn T là người chuẩn bị thảm, quân bài và thu tiền phế của những người đến đánh bạc từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và được số tiền 800.000 đồng rồi đưa cho bị cáo Phùng Văn T cất giữ và trả tiền thuê nhà cho H nhưng chưa kịp trả tiền cho H thì bị Công an tỉnh Hà Giang bắt quả tang.

Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Phùng Mùi K, Dương Thị T, Trần Thị H, Lục Xuân T, Phùng Văn L, Lê Thị Huyền T, Dương Thị P, La Xuân T, Dương Thị P1, Phùng Đức C, Hà Văn H, Phùng Văn P, Nguyễn Thị H và La Thị T khai nhận: Các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà bà Phùng Thị S, tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang "Bằng hình thức sóc đĩa sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền"; tổng số tiền mà các bị cáo đánh bạc sát phạt lẫn nhau tại chiếu bạc là **12.473.000 đồng,** thu giữ trên người các bị cáo (M, Đ, D, T, L, P1, H và P) sử dụng vào đánh bạc số tiền là **14.120.000 đồng,** Tổng cộng số tiền là **26.593.000 đồng.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, xét xử tại phiên tòa luận tội các bị cáo, phân tích về hành vi phạm tội, tính chất và vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội đã thay đổi tội danh truy tố đối với các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T từ tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự sang tội danh "Gá bạc" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Gá bạc"; các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Dương Thị T, Phùng Mùi K, Trần Thị H, Phùng Đức C, La Xuân T, Lục Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, La Thị T và Lê Thị Huyền T về tội "Đánh bạc".

Kiểm sát viên nhận định: Bị cáo Triệu Văn T đã có trao đổi với Phùng Văn T tìm địa điểm để cho mọi người đánh bạc (*sát phạt nhau bằng tiền*), nhằm mục đích là để hưởng lợi (*từ thu tiền phế, tiền hồ*); do đó Phùng Văn T và Triệu Văn T giữ vai trò chính trong thực hiện hành vi phạm tội " Gá bạc"; đối với bị cáo Nguyễn Văn H, khi thấy Phùng Văn T điện hỏi thuê nhà để cho mọi người đánh bạc và hứa sẽ trả tiền, H đồng ý, do đó hành vi của H đồng phạm với Phùng Văn T, Triệu Văn T trong thực hiện hành vi phạm tội "Gá bạc". Đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Dương Thị T, Phùng Mùi K, Trần Thị H, Phùng Đức C, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, La Thị T, Lục Xuân T và Lê Thị Huyền T đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa, sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền của chính các bị cáo, mục đích là nhằm thu lợi bất chính cho bản thân; hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc".

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo M, H, T, T, P, H, L, T, T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Thị P, Hoàng Văn Đ, Phùng Đức C đều có 01 tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội "Gá bạc"; các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Phùng Mùi K, Dương Thị T, Trần Thị H, Lục Xuân T, Phùng Văn L, Lê Thị Huyền T, Dương Thị P, La Xuân T, Dương Thị P1, Phùng Đức C, Hà Văn H, Phùng Văn P, Nguyễn Thị H và La Thị T phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, các Điều 38, 17 và Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T:

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn T** từ 15 đến 17 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Triệu Văn T** từ 12 đến 15 tháng tù, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; Điều 38, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 12 đến 13 tháng tù về tội "Gá bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 26 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo: Phùng Đức C, Hoàng Văn Đ, Dương Thị P:

+ Xử phạt bị **cáo Phùng Đức C** 06 - 8 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Đ** 09 - 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu 07 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, do bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù; tổng cộng bị cáo Đ phải chịu 16 - 19 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2020 đến 19/4/2020 theo Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 và từ ngày 03/8/2020 đến ngày 27/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị P** 06 - 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo: Phùng Mùi K, Dương Thị T, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H:

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Mùi K** 06- 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị T** 06 - 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị P1** 06 - 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 - 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 36, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Vi Đức D: Xử phạt bị cáo **Vi Đức D** 15-18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam được quy đổi bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 36, 17 và Điều 58 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Trần Thị H, Hoàng Văn M, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P và La Thị T:

+ Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn M** từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020.

+ Xử phạt bị cáo **La Xuân T** từ 06 - 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Hà Văn H** từ 06 - 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn L** từ 06 -09 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn P** từ 06 - 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **La Thị T** từ 06 -09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Lục Xuân T** từ 09-12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 35, 17 và Điều 58 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với Lê Thị Huyền T: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Huyền T** số tiền 20.000.000 đồng - 25.000.000 đồng.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Vi Đức Đức D, Hoàng Văn M, Trần Thị H, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T, Lục Xuân T.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền thu trên chiếu bạc của các bị cáo tham gia đánh bạc là **12.473.000đ** và thu trên người các bị cáo (M, Đ, D, T, L, P1, H và P) để sử dụng vào phạm tội đánh bạc là **14.120.000đ** tổng cộng số tiền là **26.593.000đ tiền VNĐ**,

Tuyên tịch thu, tiêu hủy công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội gồm: 60 quân bài tú lơ khơ; 01 bát sứ màu trắng, trong lòng bát có mực màu xanh, ngoài có dán 02 miếng cao Salonpas; 01 đĩa sứ không có hoa văn; 03 mảnh que đóm bằng tre; 01 tờ giấy hình chữ nhật trên hai mặt có ghi số và chữ; 04 trang giấy học sinh dòng kẻ có ghi số và chữ; 02 tờ lịch cả hai mặt có ghi số và chữ; 01quyển vở nhãn hiệu campus mang tên Nguyễn Thị Khánh D trong đó có 02 tờ có ghi chữ và số, mặt bìa sau của vở có ghi số và chữ; 01 chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu trắng, có kích thước 1,8 x 4m; 01 tấm thảm, một mặt màu vàng, một mặt có hoa văn kẻ sọc được làm bằng vải; 03 chiếc điện thoại.

4. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Phần tranh luận: Các bị cáo nhất trí với nội dung luận tội về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã đề nghị, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội; ngoài ra bị cáo H trình bày hiện nay bị ung thư, bị cáo P1 bị suy tim; bị cáo Dương Thị T, Dương Thị P, H hiện nay là mẹ đơn thân phải nuôi con một mình, con còn nhỏ; bị cáo D là lao động chính, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng chị Phùng Thị S vắng mặt có lý do, Đặng Thị G, Bế Văn T vắng mặt không lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 290, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02/8/2020 (BL 01 - 08), Biên bản thu giữ vật chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03/8/2020 (Biên bản kiểm tra người và tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ); Kết luận giám định số 392/KL-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2020, Phùng Văn T và Triệu Văn T ngồi uống nước với nhau, Triệu Văn T có nói tìm chỗ cho mọi người đánh bạc, đến ngày 02/8/2020, Phùng Văn T đã trực tiếp thỏa thuận với H qua điện thoại cho thuê nhà để đánh bạc và trả cho H số tiền là 500.000 đồng, H đã đồng ý; mục đích Phùng Văn T thuê nhà là để cho mọi người đến đánh bạc và cùng Triệu Văn T thu tiền phế, tiền hồ được bao nhiêu sẽ trả tiền thuê nhà, số tiền còn lại Phùng Văn T và Triệu Văn T chia nhau. Khoảng 15h giờ 00 phút đến 17 giờ 30 phút ngày 02/8/2020 các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Phùng Mùi K, Dương Thị T, Trần Thị H, Lục Xuân T, Phùng Văn L, Lê Thị Huyền T, Dương Thị P, La Xuân T, Dương Thị P1, Phùng Đức C, Hà Văn H, Phùng Văn P, Nguyễn Thị H và La Thị T đã có hành vi đánh bạc, gá bạc tại nhà bà Phùng Thị S, thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang "Bằng hình thức sóc đĩa sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền", tổng số tiền các bị cáo đánh bạc sát phạt lẫn nhau tại chiếu bạc thu giữ là **12.473.000đ** *(Mười hai triệu, bốn trăm bảy ba nghìn đồng)* và thu giữ trên người các bị cáo dùng vào đánh bạc số tiền là **14.120.000đ** *(Mười bốn triệu, một trăm hai mươi*

nghìn đồng); tổng cộng số tiền các bị cáo đánh bạc và sử dụng vào đánh bạc là **26.593.000đ** *(Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).*

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc, gá bạc là vi phạm pháp luật; song với động cơ mục đích kiếm tiền bất hợp pháp, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện các hành vi đánh bạc, gá bạc. Bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T đã thống nhất tìm hoặc thuê địa điểm để cho mọi người đánh bạc với động cơ mục đích hưởng lợi từ việc mọi người đến đánh bạc tại địa điểm các bị cáo thuê để thu tiền phế, tiền hồ lỳ; bị cáo Nguyễn Văn H khi thấy Phùng Văn T điện thoại hỏi thuê nhà của bị cáo đang quản lý để Phùng Văn T đánh bạc và hứa sẽ trả cho H số tiền 500.000 đồng tiền thuê nhà thì H đồng ý và đứng xem mọi người đánh bạc; tổng số người đến nhà H tham gia đánh bạc là 17 người; hành vi của các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H đã phạm tội "Gá bạc" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm; các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Đối với bị cáo Phùng Văn C trực tiếp sóc cái giúp sức cho những người tham gia đánh bạc, mục đích hưởng lợi tiền công của những người đánh bạc; các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Dương Thị T, Phùng Mùi K, Trần Thị H, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, La Thị T và Lê Thị Huyền T đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa, sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền của chính các bị cáo, mục đích là nhằm thu lợi bất chính cho bản thân; tổng số tiền các bị cáo đánh bạc sát phạt lẫn nhau tại chiếu bạc thu giữ là **12.473.000 đồng** và thu giữ trên người các bị cáo (M, Đ, D, T, L, P1, H và P) dùng vào đánh bạc số tiền là **14.120.000 đồng,** tổng cộng số tiền các bị cáo đánh bạc và sử dụng vào đánh bạc là **26.593.000 đồng**; hành vi của các bị cáo đã phạm tội " Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Xét về vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Phùng Văn T khi được Triệu Văn T nói chuyện tìm thuê địa điểm cho mọi người đến đánh bạc để thu tiền phế, tiền hồ, Phùng Văn T đã đồng ý, sau đó Phùng Văn T đã gọi điện thoại hỏi thuê nhà của Nguyễn Văn H để đánh bạc tại nhà H, sau khi thuê được nhà, Phùng Văn T thông báo cho Triệu Văn T biết đến nhà H, cùng Triệu Văn T thay nhau làm "hồ lỳ" và đã thu được 800.000 đồng tiền phế của các con bạc để hưởng lợi và trả tiền thuê nhà cho H, được xác định là người có vai trò chính; bị cáo Triệu Văn T là người đưa ra ý định rủ Phùng Văn T cùng tìm thuê địa điểm đánh bạc, sau khi được Phùng Văn T thông báo thuê được địa điểm đánh bạc đã mang thảm vải đến dải, chẻ đóm cắt ra 04 quân vị để phục vụ đánh bạc, cùng Phùng Văn T thay nhau làm "*hồ lỳ*" và trực tiếp thu được

800.000 đồng tiền phế của những người đến đánh bạc đưa cho Phùng Văn T cất giữ và trả tiền thuê nhà cho H; bị cáo Nguyễn Văn H khi nhận được điện thoại của Phùng Văn T hỏi thuê nhà của mình đang quản lý để đánh bạc và hứa trả tiền thuê nhà cho H số tiền 500.000 đồng, H đồng ý để Phùng Văn T cho mọi người đến đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà mình và đứng xem mọi người đánh bạc, việc H chưa nhận được tiền thuê nhà từ Phùng Văn T là ngoài ý muốn của H; do đó, Triệu Văn T, H là đồng phạm với Phùng Văn T trong việc thực hiện hành vi phạm tội "Gá bạc".

[6] Đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Dương Thị T, Phùng Mùi K, Lục Xuân T, Trần Thị H, Phùng Đức C, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, Dương Thị P, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, La Thị T và Lê Thị Huyền T sau khi được biết có địa điểm đánh bạc đã đến tập trung tại nhà H để tham gia cùng nhau đánh bạc, số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo để dùng vào đánh bạc số tiền là **26.593.000 đồng,** trong đó **(**bị cáo C là người trực tiếp xóc cái phục vụ những người đánh bạc, M là người cầm cái tham gia đánh bạc với số tiền là 4.180.000 đồng, Đ 2.000.000 đồng, D 300.000đồng, K 50.000 đồng, T 300.000 đồng, P 225.000 đồng, L 400.000 đồng, H 500.000 đồng, P 100.000 đồng, P 50.000 đồng, T50.000 đồng, T 100.000 đồng, H 50.000 đồng, H 20.000 đồng, T 100.000 đồng, T 350.000 đồng); thu trên người các bị cáo số tiền sử dụng vào đánh bạc là 14.120.000đ (M 10.820.000đ, Đ 60.000đ, D 45.000đ, P 125.000đ, L 22.000đ, P1 30.000đ, T 2.900.000đ, H 118.000đ). Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Phùng Văn C, Dương Thị P đều có 01 tiền án; bị cáo Hoàng Văn Đ bị xử phạt 07 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù và án phí HSST; Phùng Văn C bị xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội " Đánh bạc", theo Bản án số 21/2018/HSST ngày 14/6/2018 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang (chấp hành xong hình phạt ngày 02/01/2020); Dương Thị P, bị xử phạt 30.000.000 đ về tội "Đánh bạc", theo Bản án số 19/2019/HSST ngày 09/5/2019 của TAND tỉnh Hà Giang (ngày 04/3/2020 bị cáo đã nộp hết tiền); các bị cáo C, P, Đ đã bị Tòa án xử phạt về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Trần Thị H, La Xuân T, Hà Văn H, Lục Văn T, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T và Lê Thị Huyền T đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra các bị cáo Vi Đức D có bố đẻ là ông Vi Đức P được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ

vẻ vang; bị cáo Dương Thị T, Dương Thị P, Dương Thị P1 có mẹ đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Trần Thị H có bố đẻ là Trần Xuân H được tặng Huân chương chiến công hạng nhì; bị cáo Phùng Văn P có bố đẻ là Phùng Văn Đ được tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba; bị cáo Phùng Đức C có ông Nội là Phùng Văn V được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Bị cáo Lê Thị Huyền T có ông Ngoại là Vũ Đình S được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Hà Văn H có bố đẻ là Hà Văn T tham gia dân quân hỏa tuyến trong thời kỳ chống Mỹ; bị cáo Trần Thị H, Hoàng Văn Đ hiện nay bị bệnh hiểm nghèo ung thư; các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn Thư, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn Đ, Vi Đức D, Phùng Mùi K, Phùng Văn C, Phùng Văn Liêm, Phùng Văn P, La Thị T, Lục Xuân T là người dân tộc, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử áp dụng xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn Đ, bị xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 27/2015/HSST ngày 04/8/2015 của TAND huyện B, tỉnh Hà Giang. Bị cáo Phùng Văn T, bị Công an, huyện B xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 54/QĐ-XPHC ngày 08/02/2018. Bị cáo Triệu Văn T, bị TAND huyện B, tỉnh Hà Giang, xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 23/2010/HSST ngày 14/9/2010. Bị cáo Phùng Mùi K, có 01 tiền sự, bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 03/QĐ-XPHC ngày 02/3/2020, bị Công an huyện B, tỉnh Hà Giang, khởi tố vụ án và khởi tố bị can số 42/QĐ và số 76 ngày 10/7/2020 về tội "Đánh bạc". Bị cáo Dương Thị T, ngày 29/02/2008 bị Công an huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc"; năm 2009, bị TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 09/2009/HSPT ngày 14/8/2009, ngày 02/01/2021 có hành vi "Đánh bạc" bị Công an tỉnh Hà Giang khởi tố Vụ án hình sự số 01/CSHS ngày 04/01/2021 và khởi tố bị can số 15/CSHS ngày 11/01/2021. Bị cáo Dương Thị P1, bị TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép" theo Bản án số 28/2007/HSST ngày 23/5/2007, năm 2009 bị TAND huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt 02 bản án, bị cáo phải chấp hành chung là 02 năm 06 tháng tù, ngày 10/7/2020 đã có hành vi đánh bạc bị khởi tố theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 42 ngày 10 tháng 7 năm 2020. Bị cáo Nguyễn Thị H, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc" theo Bản án số 14/2015/HSST ngày 19/6/2015, bị Tòa án tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 tháng tù về tội " Đánh bạc", tổng hợp bản án là 11 tháng tù theo Bản án số 126/2015/HSST ngày 28/12/2015. Bị cáo Vi Đức D, bị TAND tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 31/2008/HSST ngày 27/5/2008, bị Tòa án tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc theo Bản án số 41/2014/HSPT ngày 03/6/2014. Bị cáo Trần Thị H, ngày 14/12/2005 có hành vi

“Đánh bạc” bị Công an, huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính. Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc về nhân thân của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[10] Về hình phạt: Trong những năm gần đây tình hình tội phạm về "Tổ chức đánh bạc, gá bạc, đánh bạc" tại tỉnh Hà Giang nói chung và các huyện B, V, thành phố H nói riêng ngày một gia tăng và diễn biến phức tạp; vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, đủ giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương, xét thấy:

[11] Đối với bị cáo Phùng Văn T, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; Triệu Văn T đã bị Tòa án xét xử về tội Cướp giật tài sản tuy đã được xóa án nhưng là người khởi xướng, thực hiện tích cực nhất trong thực hiện hành vi phạm tội Gá bạc; do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[12] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, là người dân tộc, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo cho thuê nhà nhưng chưa được hưởng lợi từ việc cho Phùng Văn T thuê nhà để đánh bạc; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối chiếu quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để lấy đó tự cải tạo bản thân tại địa phương và gia đình.

[13] Đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Phùng Văn C, Dương Thị P đều có 01 tiền án về tội đánh bạc lại tiếp tục phạm tội đánh bạc; các bị cáo Triệu Mùi K, Dương Thị T, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H đã nhiều lần bị Tòa án xét xử, tuy đã được xóa án nhưng các bị cáo không lấy đó để làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân, lại tiếp tục phạm tội; ngoài ra bị cáo T ngày 02/01/2021 lại tiếp tục có hành vi đánh bạc và bị khởi tố; bị cáo P1, K đang bị khởi tố về hành vi đánh bạc ngày 10/7/2020 lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc; do đó cần có mức án thật nghiêm đủ giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[14] Đối với bị cáo Vi Đức D đã bị Tòa án xét xử về hành vi đánh bạc, bị cáo Trần Thị H bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc đã được xóa, xét thấy: Số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không nhiều (D 300.000đ, H 20.000đ), bị cáo D có bố đẻ là ông Vi Đức Phùng đã từng tham gia kháng Chiến chống Pháp, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, là người dân tộc, là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ là Trần Xuân H được tặng Huân chương chiến công hạng nhì, hiện nay bị bệnh ung thư; các bị cáo có nhiều tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đều có nơi cư trú rõ ràng; Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn , La Thị T, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; vì vậy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[15] Đối với bị cáo Lê Thị Huyền T, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có điều kiện để thi hành án phạt tiền, do đó cần áp dụng hình phạt chính nhẹ hơn các bị cáo khác là phạt tiền đối với T.

[16] Xét thấy, các bị cáo đều có nghề nghiệp không ổn định là lao động tự do, làm ruộng; Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự cũng như không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[17] Đối với Đặng Thị G, sinh năm 1994 trú tại tổ10 thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang và Bế Văn T, sinh năm 1984 trú tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang, cũng có mặt tại nhà Phùng Thị S nơi xảy ra vụ đánh bạc ngày 02/8/2020 và bị bắt quả tang. Nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang có đủ cơ sở tài liệu xác định các đối tượng: Đặng Thị G và Bế Văn T không có hành vi tham gia đánh bạc, nên không đề cập đến việc xử lý trách nhiệm hình sự.

[18] Đối với Phùng Thị S, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang (*là chủ nhà*), nhưng việc các bị cáo Phùng Văn T và Triệu Văn T thuê nhà cho mọi người đến đánh bạc tại gia đình thì bà S hoàn toàn không hề biết vì: các bị cáo (Phùng Văn T- Triệu Văn T) chỉ hỏi thuê nhà qua bị cáo Nguyễn Văn H đồng ý cho mọi người đến đánh bạc tại nhà để hưởng lợi hoa hồng; tại phiên tòa H khai khi T điện thoại hỏi thuê nhà để đánh bạc thì Phùng Thị S không có mặt tại nhà, không biết việc H cho T thuê nhà; do đó bà S không có hành vi "Gá bạc".

[19] Khi tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H, phát hiện tạm giữ một số giấy tờ, sổ sách ghi chép việc vay tiền… Quá trình điều tra H thừa nhận có cho một số người dân trên địa bàn vay tiền và tính mức lãi xuất khác nhau, có người cho vay không tính lãi. Cơ quan CSĐT đã xác minh phía người vay tiền, nhưng chưa đầy đủ vì một số người vắng mặt không ở địa phương. Tổng số tiền thu lợi bất chính không đủ 30.000.000 đồng, về thời gian diễn ra không liên tục, chỉ thể hiện ở lời khai chứ không có tài liệu chứng cứ việc lãi suất vay. Xét thấy chưa đủ tài liệu chứng cứ xác định hành vi của H cấu thành tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang tách hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn H cùng các giấy tờ, sổ sách có liên quan đến việc cho vay tiền để tiếp tục điều tra, xác minh đối với những người vay tiền hiện

đang vắng mặt. Nếu đủ căn cứ sẽ tiến hành khởi tố, điều tra thành vụ án khác là đúng quy định pháp luật.

[20] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng: Đối với số tiền thu trên chiếu bạc của các bị cáo tham gia đánh bạc là **12.473.000đ** và thu trên người các bị cáo để sử dụng vào đánh bạc là **14.120.000đ** tổng cộng số tiền là **26.593.000đ tiền VNĐ**, xét thấy: Số tiền này các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc, cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Về công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội gồm: 60 quân bài tú lơ khơ; 01 bát sứ màu trắng, trong lòng bát có mực màu xanh, ngoài có dán 02 miếng cao Salonpas; 01 đĩa sứ không có hoa văn; 03 mảnh que đóm bằng tre; 01 tờ giấy hình chữ nhật trên hai mặt có ghi số và chữ; 04 trang giấy học sinh dòng kẻ có ghi số và chữ; 02 tờ lịch cả hai mặt có ghi số và chữ; 01quyển vở nhãn hiệu campus mang tên Nguyễn Thị Khánh D trong đó có 02 tờ có ghi chữ và số, mặt bìa sau của vở có ghi số và chữ; 01 chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu trắng, có kích thước 1,8 x 4m; 01 tấm thảm, một mặt màu vàng, một mặt có hoa văn kẻ sọc được làm bằng vải; 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[21] Còn số tài sản là tiền VNĐ thu giữ trên người các bị cáo, tại két sắt nhà bị cáo H, điện thoại di động và xe máy bị tạm giữ khi bị bắt quả tang và khám xét. Quá trình điều tra đã chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, bao gồm: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo Lục Xuân T; số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen của bị cáo Dương Thị T; 01 điện thoại di động NOKIA của bị cáo Dương Thị P1; 01 xe máy YAMAHA màu trắng BKS 23D1-167.12 của bị cáo Hoàng Văn M; số tiền 2.000.000 đồng, 01 dây chuyền bằng cao su và kim loại màu vàng của bị cáo Triệu Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG của bị cáo Phùng Văn P; số tiền 2.250.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen của La Thị T; 01 điện thoại di động OPPO màn hình cảm ứng của Phùng Văn L; 01 điện thoại di động NOKIA, màn hình cảm ứng của Hà Văn H; 01 xe máy Honda Wave 110 màu xanh, BKS 22Y1-5027 của Vi Đức D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của La Xuân T; số tiền 3.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 110i của Phùng Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA màu trắng, đen, BKS 23D1-220.23 của Hoàng Văn Đ; số tiền 173.100.000 đồng, 01 vòng kim loại màu trắng, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 03 điện thoại và các loại và các loại giấy tờ khác của gia đình Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị S.

[22] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại phiên tòa Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã thay đổi nội dung truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Triệu Văn T từ tội danh "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự sang tội danh "Gá bạc" quy định tại điểm b

Điều 322 Bộ luật Hình sự là thực hiện đúng quy định tại Điều 319, Điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự; phát biểu luận tội, quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt đối với từng bị cáo, xử lý vật chứng, án phí là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[23] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[24] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

- Các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội "Gá bạc".

- Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Dương Thị P, Phùng Đức C, Dương Thị T, Dương Thị P1, Phùng Mùi K, Nguyễn Thị H, Vi Đức D, Trần Thị H, Hoàng Văn M, Lục Xuân T, Phùng Văn L, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn P, La Thị T và Lê Thị Huyền T, phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, các Điều 38, 17 và Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T:

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn T** 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Triệu Văn T** 13 (Mười ba) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 tháng.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Hoàng Văn Đ; xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Đ** 10 (Mười) tháng tù; bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu 07 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, do bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù; tổng hợp bản án, bị cáo Đ phải chịu 17 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2020 đến 19/4/2020 theo Bản án số 24/2020/HSST ngày 26/8/2020 và từ ngày 03/8/2020 đến ngày 27/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Phùng Đức C, Dương Thị P:

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Đức C** 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị P** 07 (Bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo: Phùng Mùi K, Dương Thị T, Dương Thị P1:

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Mùi K** 07 (Bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 01/10/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị T** 07 (Bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020;

+ Xử phạt bị cáo **Dương Thị P1** 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 38, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Thị H; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 36, Điều 17 và Điều 58 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Vi Đức D; xử phạt

bị cáo **Vi Đức D** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020 (1 tháng 29 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam được tính bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo D còn phải thi hành là 12 tháng 03 ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 36, 17 và Điều 58 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Trần Thị H, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T:

+ Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020 là 01 tháng 29 ngày, bị cáo H còn phải thi hành 06 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn M** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 30/9/2020 (01 tháng 29 ngày), bị cáo M còn phải thi hành 09 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **Lục Xuân Thắng** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Xử phạt bị cáo **La Xuân T** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020 (09 ngày), bị cáo T còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **Hà Văn H** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020 (09 ngày), bị cáo H còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn L** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020 (09 ngày), bị cáo L còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Văn P** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020 (09 ngày), bị cáo P còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày;

+ Xử phạt bị cáo **La Thị T** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/8/2020 (09 ngày), bị cáo T còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ của các bị cáo Vi Đức D, Trần Thị H, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trường hợp các bị cáo Vi Đức D, Trần Thị H, Lục Xuân T, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T, bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt

này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 35, 17 và Điều 58 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Thị Huyền T; xử phạt bị cáo **Lê Thị Huyền T** số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).*

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Vi Đức D, Lục Xuân T, Trần Thị H, La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn L, Phùng Văn P, La Thị T.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 26.593.000đ *(Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).*

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 60 quân bài tú lơ khơ; 01 bát sứ màu trắng, trong lòng bát có mực màu xanh, ngoài có dán 02 miếng cao Salonpas; 01 đĩa sứ không có hoa văn, mặt sau có vẽ hình ngôi sao bằng mực màu xanh đen; 03 mảnh que đóm bằng tre; 01 tờ giấy hình chữ nhật trên hai mặt có ghi số và chữ; 04 trang giấy học sinh dòng kẻ có ghi số và chữ; 02 tờ lịch cả hai mặt có ghi số và chữ; 01 quyển vở nhãn hiệu campus mang tên Nguyễn Thị Khánh D trong đó có 02 tờ có ghi chữ và số, mặt bìa sau của vở có ghi số và chữ; 01 chiếu nhựa màu xanh có hoa văn màu trắng, có kích thước 1,8 x 4m; 01 tấm thảm, một mặt màu vàng, một mặt có hoa văn kẻ sọc được làm bằng vải; 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ Iphone màu vàng, màn hình bị xước nhiều chỗ, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn và không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong điện thoại; 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ Samsung, màn hình cảm ứng, màu xanh, màn hình bị xước nhiều chỗ, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn và không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong điện thoại; 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ Viettel, điện thoại bàn phím, màu đỏ, màn hình bị xước nhiều chỗ, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn và không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong điện thoại.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang với Cục Thi hành án tỉnh Hà Giang.

4. Về án phí

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phùng Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn Đ, Phùng Đức C, Dương Thị P, Phùng Mùi K, Dương Thị T, Dương Thị P1, Nguyễn Thị H, Vi Đức D, Trần Thị H, Hoàng Văn M, Lục Xuân T, Phùng Văn L La Xuân T, Hà Văn H, Phùng Văn P, La Thị T, Lê Thị Huyền T, mỗi bị

cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- PC 02 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- UBND xã (Q, K, Thị trấn V) huyện B;
- UBND xã (M, Thị trấn T) huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THA HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Loan